

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2022.

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2022 tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022 về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2022, Thông báo về việc mở lại phiên toà số 01/2022/TB-TA ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hạnh Tsinh năm 1988, vắng mặt.

HKTT: Xóm T, thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình.

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Bùi Huy N sinh năm 1986, vắng mặt.

HKTT: Xóm T, thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình.

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Những người làm chứng:

- Ông Đỗ Văn A sinh năm 1968, vắng mặt.

- Bà Phạm Thị N1 sinh năm 1966, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các đương sự đều trình bày: Chị T, anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M nay là thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình vào ngày 25/3/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp tính nết, anh N thường xuyên chơi cờ bạc. Khi chị T, anh N phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình khuyên bảo nhưng không thành và đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Nay chị T, anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn, anh N đồng ý.

Về con chung: Chị T, anh N khai nhận có ba con là Bùi Huy H sinh ngày 21/7/2009, Bùi Bảo A1 sinh ngày 25/8/2014 và Bùi Gia H1 sinh ngày 19/3/2019. Khi ly hôn, chị T, anh N đều có quan điểm giao cả ba con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T là 2.000.000đ/tháng/con (tổng ba con là 6.000.000đ/tháng), kể từ tháng 8/2022, cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị T, anh N không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị người làm chứng ông A, bà N1 (bố mẹ của đương sự) đề nghị, giải quyết cho chị T ly hôn anh N; giao các con chung cho chị T nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 69, 71, 72 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử, chị T ly hôn anh N; giao các con chung cho chị T nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh N cấp dưỡng tiền nuôi các con là 2.000.000đ/tháng/con, kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T, anh N đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M nay là thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình vào ngày 25/3/2009, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không còn sự tin tưởng, tôn trọng nhau, ngoài ra anh N ham chơi cờ bạc. Theo UBND xã T2, người thân trong gia đình của đương sự, xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh N đã trầm trọng, không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng

không còn, nhất trí ly hôn. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của đương sự, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị T ly hôn anh N.

[3]. Về con chung: Xác định chị T, anh N có ba con là Bùi Huy H sinh ngày 21/7/2009, Bùi Bảo A1 sinh ngày 25/8/2014 và Bùi Gia H1 sinh ngày 19/3/2019. Khi ly hôn, chị T, anh N đều có quan điểm để chị T tiếp tục nuôi dưỡng các con, ngoài ra HĐXX thấy rằng các cháu H, A1 đều trên 07 tuổi, có nguyện vọng ở với chị T; còn cháu H1 mới trên 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc của người mẹ hơn so với người cha là anh N; hiện tại cả ba con đang do chị T nuôi dưỡng; quá trình nuôi dưỡng con chung chị T đều đảm bảo các điều kiện nuôi con. Do vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận quan điểm của các bên đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao các cháu Hoàng, An, Huy cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N cấp dưỡng tiền nuôi các con cho chị T là 2.000.000đ/tháng/con, cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh N có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Chị T, anh N không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con, nên phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hạnh T ly hôn anh Bùi Huy N.

- Về con chung: Giao các con là Bùi Huy H sinh ngày 21/7/2009, Bùi Bảo A1 sinh ngày 25/8/2014 và Bùi Gia H1 sinh ngày 19/3/2019 cho chị Đỗ Thị Hạnh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Bùi Huy N cấp dưỡng tiền nuôi các con cho chị Đỗ Thị Hạnh T là 2.000.000đ/tháng/con (tổng ba con là 6.000.000đ/tháng), kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Hạnh T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003456 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh Bùi Huy N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T2, huyện Thanh Hà;
- UBND thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

